

PHỤ LỤC III

TỔNG HỢP MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC XUẤT PHÁT TỪ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 29 /BC-BTP ngày 23 /02 /2021 của Bộ Tư pháp)

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 67/2020/QH14) đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 13/11/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Luật số 67/2020/QH14 được ban hành đã cơ bản khắc phục được những khó khăn, vướng mắc bất cập xuất phát từ Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành. Vì vậy, Báo cáo này chỉ tập trung vào một số khó khăn vướng mắc liên quan đến Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), cụ thể:

1. Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định việc giao quyền chấm dứt khi “người được giao quyền nghỉ hưu, thôi việc, được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức hoặc tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật”, nhưng chưa quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này áp dụng như thế nào.

2. Điều 6c Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Điều 74 Luật XLVPHC còn quy định: (i) Trường hợp quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu hành, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội; (ii) trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu thi hành quyết định xử phạt được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn. Như vậy, trong các trường hợp thời hiệu thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính có sai sót vẫn còn mà hết thời hạn sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính thì việc xử lý các quyết định sai sót này thực hiện như thế nào do chưa được quy định cụ thể.

3. Điều 6d Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “quyết định sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính, văn bản đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ thời điểm ký hoặc thời điểm cụ thể ghi trong quyết định”. Tuy nhiên, đối với quyết định xử phạt vi phạm

hành chính bị hủy bỏ toàn bộ thì việc xác định hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký là chưa đầy đủ cơ sở pháp lý, chưa đảm bảo tuân thủ nguyên tắc về thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính: “*Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản*”.

4. Điều 6d Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “*Quyết định sửa đổi, bổ sung, văn bản đính chính quyết định về XLVPHC là những văn bản gắn liền với quyết định về XLVPHC đã được ban hành...*”. Theo nội dung quy định này thì việc đính chính quyết định về XLVPHC được thực hiện dưới hình thức văn bản. Tuy nhiên, căn cứ Mẫu quyết định số 34 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, việc đính chính được thực hiện bằng hình thức quyết định, như vậy chưa có sự thống nhất giữa nội dung và biểu mẫu.

5. Điều 6e Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “*Thủ trưởng trực tiếp của người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc theo quy định tại các Điều 66, 77, 125 và 128 Luật Xử lý vi phạm hành chính là cấp trên trực tiếp trong quan hệ hành chính đối với người đang giải quyết vụ việc*”. Như vậy, trường hợp người có thẩm quyền là Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì Thủ trưởng cấp trên trực tiếp là Thủ tướng? Nếu là Thủ tướng thì có đảm bảo xử lý công văn trong thời hạn luật định?

6. Khoản 4 Điều 25 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “*Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm*” chưa thống nhất với Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, theo đó: Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo, dẫn đến việc áp dụng tại các bộ, địa phương trong việc báo cáo công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính chưa được thống nhất.

7. Hệ thống biểu mẫu

7.1. Nghị định số 97/2017/NĐ-CP không quy định điều khoản chuyển tiếp nên đến thời điểm thi hành, nhiều cơ quan, đơn vị chưa kịp in các biểu mẫu

XPVPHC mới theo quy định. Đồng thời, biểu mẫu cũ đã in theo kế hoạch năm nên còn tồn đọng rất nhiều gây lãng phí.

7.2. Tại mẫu Biên bản vi phạm hành chính (Mẫu biên bản số 01) không ghi thời gian hẹn, địa điểm đến liên hệ giải quyết, gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

7.3. Tại phần chú thích (5) mẫu Biên bản vi phạm hành chính (Mẫu biên bản số 01) hướng dẫn ghi “người đại diện theo pháp luật”, tuy nhiên thực tế không phải lúc nào người đại diện theo pháp luật cũng là người trực tiếp thực hiện các hoạt động nhân danh tổ chức mà có thể thông qua người đại diện theo ủy quyền, người được giao nhiệm vụ. Thực tế trong lĩnh vực hải quan, người đến làm thủ tục hải quan là nhân viên của Công ty (không phải là người đại diện theo pháp luật) và họ không nắm rõ được người đại diện là ai. Trong khi đó, BBVPHC không có vị trí thể hiện, chức vụ, số định danh cá nhân, số CMTND/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật hoặc người được giao nhiệm vụ của tổ chức vi phạm.

7.4. Tại mẫu Biên bản vi phạm hành chính (Mẫu biên bản số 01) ghi nhận quyền giải trình của đối tượng vi phạm như sau: *“Trong thời hạn⁽¹²⁾ ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà)⁽¹³⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi <văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình> đến ông (bà)⁽¹⁴⁾ ... để thực hiện quyền giải trình”*. Theo quy định tại Điều 61 Luật XLVPHC thì đối tượng vi phạm có thể lựa chọn hình thức giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc ghi nội dung như nêu trên không thể hiện việc đối tượng vi phạm có thể lựa chọn hình thức giải trình mà việc lựa chọn phụ thuộc vào người có thẩm quyền vi phạm ghi nhận tại biên bản. Hơn nữa, nội dung này không ghi là “nếu có”, dẫn đến các cá nhân, tổ chức vi phạm có thể hiểu rằng mọi trường hợp đều được thực hiện quyền giải trình.

7.5. Tại các mẫu biên bản và mẫu quyết định, phần chú thích (1) các biểu hướng dẫn: “Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính”; “ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản”. Theo hướng dẫn này thì không cần ghi tên của cơ quan chủ quản trực tiếp như hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 01/2011/TT-BNV. Việc ghi tên như hướng dẫn hiện nay của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP không thể hiện được đơn vị lập biên bản, ra quyết định xử phạt (Ví dụ: Đối với lĩnh vực hải quan, khi cơ quan người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là Cục Hải quan sẽ khó xác định được Cục Hải quan tỉnh nào lập biên bản, ra quyết định, trong khi nhiều Đội, Chi cục Hải quan của các tỉnh có thể có tên giống nhau).

7.6. Mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Mẫu quyết định số 10): Về căn cứ ban hành, Mẫu quyết định số 10 ghi “...

Đề bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt VPHC số .../QĐ-XPVPHC ngày .../.../..... của...). Như vậy, trong trường hợp này không có Quyết định xử phạt mà chỉ có Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (Mẫu QĐ số 13 – Số .../QĐ-KPHQ) theo quy định tại quy định tại Điều 65 Luật XLVPHC thì có được áp dụng mẫu quyết định số 10 không?

7.7. Mẫu quyết định số 10 quy định nội dung “Trong thời hạn.... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, ông (bà)/tổ chức có trách nhiệm thực hiện Quyết định. Nếu quá thời hạn mà ông (bà)/tổ chức.....không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật” chưa thực sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật XLVPHC (Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt) và Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 (Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm những nội dung thời gian hoàn thành cưỡng chế).

7.8. Mẫu quyết định giao quyền (Mẫu quyết định số 29) ghi căn cứ ban hành không chính xác, cụ thể: Đây là quyết định giao quyền nhưng lại căn cứ vào khoản 6 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP là căn cứ “chấm dứt việc giao quyền xử phạt”.